

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, KẾT QUẢ TRỢ GIÚP
THIỆU ĐỐI TRONG DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ NĂM 2026**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2026
của UBND xã Đắk Kôi)

TT	Tên Thôn	Kết quả rà soát của tại thôn		
		Số hộ (hộ)	Số khẩu (người)	Tổng số gạo (kg)
1	Thôn Kon Đỏ	27	104	1.560
2	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	17	71	1.065
3	Thôn Kon RGỗh	12	56	840
4	Thôn Kon Rlong	0	0	0
5	Thôn Ngọc Răng - Nhân Liễu	0	0	0
6	Thôn Tu KRồi	0	0	0
7	Thôn Trắng Nó - KonBLo	0	0	0
8	Thôn TeaReang	10	33	495
9	ThônTu RoBăng	13	49	735
10	Thôn Kon Lỗ	6	24	360
11	Thôn Kon Long	0	0	0
12	Thôn Kon Bĩ	0	0	0
13	Thôn Kon Mong Tu	0	0	0
14	Thôn Kon Vi Vàng	0	0	0
15	Thôn Kon Rá	0	0	0
16	Thôn Kon Lung	16	61	915
17	Thôn Kon Keng	0	0	0
	Tổng cộng	101	398	5.970

2295

150

2445

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, KẾT QUẢ TRỢ GIÚP
THIỆU ĐỐI TRONG DỊP GIÁP HẠT NĂM 2026**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2026
của UBND xã Đắk Kôi)

TT	Tên Thôn	Kết quả rà soát của tại thôn		
		Số hộ (hộ)	Số khẩu (người)	Tổng số gạo (kg)
1	Thôn Kon Đỏ	0	0	0
2	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	0	0	0
3	Thôn Kon RGỗh	0	0	0
4	Thôn Kon Rlong	0	0	0
5	Thôn Ngọc Răng - Nhân Liễu	0	0	0
6	Thôn Tu KRồi	0	0	0
7	Thôn Trắng Nó - KonBLo	0	0	0
8	Thôn TeaReang	0	0	0
9	ThônTu RoBăng	0	0	0
10	Thôn Kon Lỗ	0	0	0
11	Thôn Kon Long	0	0	0
12	Thôn Kon Bĩ	0	0	0
13	Thôn Kon Mong Tu	0	0	0
14	Thôn Kon Vi Vàng	0	0	0
15	Thôn Kon Rá	0	0	0
16	Thôn Kon Lung	0	0	0
17	Thôn Kon Keng	0	0	0

2295

150

2445

	Tổng cộng	0	0	0
--	------------------	----------	----------	----------

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, KẾT QUẢ TRỢ GIÚP
THIỆU ĐỐI TRONG DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ NĂM 2026**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2026
của UBND xã Đắk Kôi)

TT	Tên chủ hộ	Địa chỉ	Số người trong hộ	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1	A Bay	Thôn Kon Đó	4	
2	Y Nia	Thôn Kon Đó	4	
3	A Nó	Thôn Kon Đó	4	
4	A Trinh	Thôn Kon Đó	4	
5	Y Đâm	Thôn Kon Đó	4	
6	Y Rô ^(a)	Thôn Kon Đó	4	
7	Y Đrúa	Thôn Kon Đó	5	
8	A Hảy	Thôn Kon Đó	4	
9	A Kron	Thôn Kon Đó	3	
10	A Doan	Thôn Kon Đó	4	
11	A Long	Thôn Kon Đó	4	
12	A Khan	Thôn Kon Đó	4	
13	Y Toang	Thôn Kon Đó	3	
14	Y Huyền	Thôn Kon Đó	4	
15	Y Teo	Thôn Kon Đó	5	

2295

150

2445

16	Y Đreng	Thôn Kon Đó	2	
17	Y Lôm	Thôn Kon Đó	3	
18	Y Biên	Thôn Kon Đó	2	
19	A Xam	Thôn Kon Đó	5	
20	Y Kua	Thôn Kon Đó	3	
21	A Tụ	Thôn Kon Đó	5	
22	A Doan	Thôn Kon Đó	4	
23	A Hạnh	Thôn Kon Đó	4	
24	A Tùng	Thôn Kon Đó	4	
25	A Lúc	Thôn Kon Đó	4	
26	Y Hóe	Thôn Kon Đó	4	
27	Y Nan	Thôn Kon Đó	4	104
28	Y Vẻ	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	8	
29	A Nhai	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	3	
30	Y Một	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	5	
31	Y Thảo	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	5	
32	Y Đầy	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	5	
33	A Hai	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	3	
34	A Bảo	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	4	
35	A Bột	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	5	
36	Y Néo	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	2	
37	Y Nhăm	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	2	
38	A Thai	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	6	
39	A Niêm	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	4	
40	Y Le	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	2	

41	A Cao	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	5	
42	Y Chung	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	4	
43	A Kinh	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	3	
44	Y Ung	Thôn Tu Ngó - Kon Bông	5	71
45	A Blung	Thôn Kon RGồh	5	
46	A Beo	Thôn Kon RGồh	5	
47	A Chang	Thôn Kon RGồh	5	
48	A Ngnon	Thôn Kon RGồh	5	
49	A Tin	Thôn Kon RGồh	4	
50	A Vũ	Thôn Kon RGồh	4	
51	Y Bó	Thôn Kon RGồh	5	
52	A Thai	Thôn Kon RGồh	5	
53	A Do	Thôn Kon RGồh	6	
54	Y Thu	Thôn Kon RGồh	4	
55	A Han	Thôn Kon RGồh	5	
56	Y Hạng	Thôn Kon RGồh	3	56
57	A Giểu	Thôn Tea Reang	3	
58	Y Trí	Thôn Tea Reang	1	
59	A Phiên	Thôn Tea Reang	4	
60	Y Lang	Thôn Tea Reang	3	
61	A Phák	Thôn Tea Reang	6	
62	Y Beng	Thôn Tea Reang	3	
63	A Phin	Thôn Tea Reang	3	
64	A Brui	Thôn Tea Reang	3	
65	A Tâm	Thôn Tea Reang	3	

66	Y Duyệt	Thôn Tea Reang	4	33
67	Y Đróc	Thôn Tu Rơ Băng	5	
68	Y Siên	Thôn Tu Rơ Băng	2	
69	Y Minh	Thôn Tu Rơ Băng	3	
70	A Sơn	Thôn Tu Rơ Băng	3	
71	A Bruông	Thôn Tu Rơ Băng	5	
72	A Nga	Thôn Tu Rơ Băng	3	
73	Y Dai	Thôn Tu Rơ Băng	3	
74	A Míc	Thôn Tu Rơ Băng	4	
75	A Kroa	Thôn Tu Rơ Băng	4	
76	A Định	Thôn Tu Rơ Băng	5	
77	A Veng	Thôn Tu Rơ Băng	4	
78	A Đa ^(b)	Thôn Tu Rơ Băng	4	
79	A Vân	Thôn Tu Rơ Băng	4	49
80	A Đáp	Thôn Kon Lồ	5	
81	Y Brúa	Thôn Kon Lồ	3	
82	Y Xóa	Thôn Kon Lồ	4	
83	H Hrâng	Thôn Kon Lồ	4	
84	A Ngói	Thôn Kon Lồ	5	
85	Y Hruí	Thôn Kon Lồ	3	24
86	A Khó	Thôn Kon Lung	6	
87	Y Vẻ	Thôn Kon Lung	4	
88	A Tèo	Thôn Kon Lung	4	
89	Phạm Văn Phước	Thôn Kon Lung	2	
90	A Leng	Thôn Kon Lung	5	

91	A Ngun	Thôn Kon Lung	4	
92	A Khun	Thôn Kon Lung	3	
93	A Nôi	Thôn Kon Lung	2	
94	A Pâm	Thôn Kon Lung	6	
95	Y Huệ	Thôn Kon Lung	2	
96	Y Hăng	Thôn Kon Lung	5	
97	A Prêh	Thôn Kon Lung	3	
98	A Nok	Thôn Kon Lung	3	
99	Hồ Văn Thái	Thôn Kon Lung	3	
100	A Hùng	Thôn Kon Lung	5	
101	A Phát	Thôn Kon Lung	4	61
	<i>Tổng cộng</i>		398	